TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PĂH** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 30/5/2023
"*V/v Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hòa.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Nguyên;
2. Bà Hoàng Thị Bình.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc*"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông Đào Văn H, sinh năm 1962
Địa chỉ: Tổ dân phố ..., thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Có mặt
-*Bị đơn*: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1964
Địa chỉ: Tổ dân phố ..., thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2022, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đào Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Th tìm hiểu kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/1990 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Định, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chung chung sống bình thường, nhưng đến năm 1993 ông phát hiện bà Th có tình cảm với người khác, vì gia đình ông bỏ qua để vợ chồng chung sống bình thường, nhưng về sau vợ chồng ông thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, xích mích nhau, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng ông mỗi người sống một nơi từ 10 năm nay. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Th.

Về con chung: Ông và bà Th có 02 con chung là Đào Mạnh Th, sinh ngày 16/9/1990 và Đào Mạnh T, sinh ngày 17/7/2000. Hiện 02 con đã thành niên, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông và bà Th tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, Ông H không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là bà Phạm Thị Th: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc nêu ý kiến đối với phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà Th không đến Toà án để làm việc, không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Đào Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Văn H và bà Phạm Thị Th tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 1 do Ủy ban nhân dân phường Tân Định, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 29/8/1990. Nên hôn nhân giữa ông H và bà Th là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Ông Đào Văn H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Phạm Thị Th vì ông cho rằng ông và bà Th sống không hạnh phúc, vợ chồng ông thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, xích mích nhau, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, từ 10 năm nay vợ chồng ông mỗi người sống một nơi, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng bà Th không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho

Tòa án cho thấy bà Th đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hàn gắn tình cảm với ông H. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông H và bà Th đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông H là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh.

Về con chung: Ông H và bà Th có 02 con chung là Đào Mạnh Th, sinh ngày 16/9/1990 và Đào Mạnh T, sinh ngày 17/7/2000. Hiện 02 con đã thành niên, có khả năng lao động, ông H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Văn H được ly hôn với bà Phạm Thị Th.

- Về án phí: Buộc ông Đào Văn H phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* ông H đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0007301 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND h. Chư Păh;
-THADS h. Chư Păh;
-UBND phường Tân Định;
-Đương sự;
-Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa